

CƠ CẤU GIỐNG LÚA ĐÔNG XUÂN 2005-2006 & HỆ THỐNG SẢN XUẤT GIỐNG LÚA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Bùi chí Bửu

Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long

Ngày 14 tháng 10 năm 2005

Năm 2005, ĐBSCL có khả năng được mùa và hoàn thành kế hoạch năm, thông qua hai vụ sản xuất chính: đông xuân và hè thu. Bộ giống lúa chủ lực, chất lượng cao bao gồm: OM1490, OMCS2000, OM3536, OM2517, OM2717, OM2718, VND95-20, MTL250, TNĐB100. Bộ giống lúa đặc sản: Jasmine 85, VD20, nhóm lúa Thơm, nhóm lúa nếp (OM85, Nếp Bè, v.v.). Bộ giống cao sản chất lượng thấp: OM576, IR50404. Gần đây những giống triển vọng đang có xu hướng phát triển: OM4495, OM4498, **OM2514**,...

Bảng 1: Kết quả điều tra năm **2004** của Trung Tâm Khảo Kiểm Nghiệm Giống ở Nam Bộ

TT	Giống	Diện tích		Số tỉnh gieo trồng
		Ha	%	
1	OM1490	183.521	11,42	19
2	IR50404	181.188	11,28	14
3	VND95-20	137.827	8,58	20
4	OM576	128.780	8,02	12
5	Jasmine 85	109.620	6,82	11
6	OMCS2000	97.784	6,09	19
7	OM2517	87.483	5,46	7
8	IR64	58.366	3,63	19
9	OM3536	54.469	3,39	17
10	OM2717	44.254	2,75	15

Tổng số giống có trong sản xuất	184 giống
Số giống có trên 10.000 ha	22 giống
Số giống có từ 5.000-10.000 ha	11 giống
Số giống có từ 2.000 – 5.000 ha	19 giống
Số giống sản xuất <2.000 ha	132 giống

Những tồn tại trong sản xuất lúa 2005

Vụ Đông xuân 2005, nông dân phải chờ con nước sau 1/10 âm lịch để sạ lúa. Năm nay chênh lệch giữa âm lịch và dương lịch 42 ngày, nên việc xuống giống trễ so với niên vụ. Xuống giống trễ đã gây tác hại không nhỏ đến các tỉnh ven biển như Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau thuộc vùng nước trời. Ruộng gieo sạ đúng thời vụ đạt năng suất 6-7 tấn / ha. Ruộng gieo sạ muộn chiếm 63,9% gặp rất nhiều khó khăn do khô hạn, mặn và sâu bệnh. Rất may là sản xuất ở các tỉnh đầu nguồn có nhiều thuận lợi nên xu thế tăng năng suất và sản lượng tiếp tục phát triển. NS trung bình đạt 6,2 tấn / ha, sản lượng 8,9 triệu tấn

Đầu vụ hè thu 2005, sản xuất lúa bị khô hạn nặng, lượng mưa chỉ bằng 46,7% so với trung bình nhiều năm. Toàn vùng có 235.000 ha thiếu nước ngọt. Mặn xâm nhập sâu từ 40-60 km. Vùng đầu nguồn như An Giang do phải chờ nước, nên nông dân có điều kiện phơi đất hơn 1 tháng, thay vì gieo trồng lúa liên tục với điều kiện đất ngập nước như mọi năm. Có thể vì lý do này mà An Giang có năng suất lúa hè thu toàn Tỉnh đạt kỷ lục # 6 tấn / ha.

CƠ CẤU GIỐNG LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2005-2006

Vụ đông xuân là vụ lúa thuận lợi nhất trong năm, sản phẩm thóc hàng hóa có chất lượng tốt nhất phục vụ xuất khẩu gạo cho cả năm. Do vậy chúng ta phải chia ra thành hai nhóm: lúa chất lượng cao và lúa đặc sản

Lúa chất lượng cao cần chú ý bệnh đạo ôn: OM1490 đã trở thành giống rất nhiễm ở một số khu vực. Tuy vậy đây là giống chống hạn và mặn khá tốt. Chúng ta cần lưu ý việc sử dụng giống xác nhận như một chỉ tiêu bắt buộc để lúa hàng hóa đạt chất lượng cao. Các giống có triển vọng cho vụ đông xuân là

OMCS2000, OM3536, OM2517, OM2717, OM2718, VNĐ95-20, AS996, MTL250, TNĐB100, OM4495, OM4498, OM2514, IR64, MTL233, OM2395, MTL325 và một số giống khác thích nghi với từng địa phương

Lúa đặc sản tập trung vào Jasmine 85, VĐ20 (ĐS20) đặc biệt lưu ý việc xử lý hạt trước khi gieo sạ để phòng ngừa bệnh lúa von, phải sử dụng giống xác nhận để giảm thiệt hại do lúa cỏ. Đây là bài học kinh nghiệm cho 2005, vì chúng ta phát triển Jasmine với diện tích quá lớn, nhưng không chú trọng đến phẩm chất hạt giống, làm hạn chế số lượng xuất khẩu gạo đặc sản năm nay, thấp hơn 2004 gấp 3 lần. Giống Nam Thơm và giống lúa Nếp cũng trong tình trạng tương tự. Giống đặc sản không cần phát triển ồ ạt mà cần phát triển có quy hoạch, có kiểm soát bệnh tật, kiểm soát được hạt giống tốt, gieo sạ Jasmine sớm, tránh thời điểm dễ bị nhiễm bệnh bạc lá do vi khuẩn.

Lúa cho vùng khó khăn là OM576, AS996, OM3536, IR50404, OM1490, OM4498, OM1723, OM4495 (Đông Nam Bộ)

Để đạt được kết quả tốt trong vụ đông xuân, chúng ta tiếp tục thực hiện biện pháp Ba Giảm (hoặc Năm Giảm), thực hiện đầy đủ Pháp Lệnh Giống Cây Trồng, đặc biệt là giống lúa xác nhận

HỆ THỐNG SẢN XUẤT HẠT GIỐNG

Mạng lưới nhân giống hiện được phân công như sau:

- Giống gốc, siêu nguyên chủng: Viện Lúa ĐBSCL, Trường Đại học Cần Thơ, Viện KHKT Nông nghiệp miền Nam
- Giống nguyên chủng: Các Trung tâm và Công ty giống, Trung tâm Khuyến Nông, Các đơn vị nghiên cứu khoa học
- Giống xác nhận: Mạng lưới nông dân sản xuất giỏi, các Trung tâm và Công ty giống, Trung tâm khuyến nông
- Giống sản xuất đại trà: Nông dân

Số lượng giống siêu nguyên chủng (2005): 13,1 tấn (ĐX) + 3,6 tấn (HT) = 16,7 tấn

Số lượng giống nguyên chủng (2005): 72,1 tấn (ĐX) + 22,2 tấn (HT) = 94,3 tấn (tại Viện)
: 1.002 tấn (do mạng lưới sản xuất)s

Số lượng giống xác nhận ước đạt trong sản xuất: 40.120 tấn

: + 1.000 tấn của Viện

: + 96.844 tấn (lũy tiến của các năm trước)

$\Sigma = 137.964$ tấn (38,0% của toàn vùng và 45,8 % của 1 triệu ha lúa xuất khẩu)

Điều tra thực tế, diện tích trồng giống lúa xác nhận đạt 24% diện tích

So với mục tiêu (2001-2005) của Bộ NN và PTNT, sản xuất giống siêu nguyên chủng đã đạt được 130,94 tấn (98,33% mục tiêu); sản xuất giống nguyên chủng 4.785,74 tấn (79,76%) (mục tiêu là 6.000 tấn).

Hiệu quả đầu tư: Sản lượng lúa tăng do sử dụng giống xác nhận (sản xuất từ giống nguyên chủng của dự án): 260.000 tấn, đạt giá trị gia tăng là **520 tỷ đồng** (so với tổng vốn đầu tư là 20,45 tỷ đồng).

Chất lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam ngày một tăng do sử dụng giống xác nhận trong sản xuất từ <1% đến 30% như hiện nay, trong vòng 5 năm tiến hành dự án, là một thành công đáng kể của ngành.

Bảng 2: Số lượng gạo và giá trị xuất khẩu từ 1995 đến 2005

Gạo xuất khẩu	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005 ước
Số lượng (triệu tấn)	1,99	3,00	3,57	3,73	4,51	3,48	3,73	3,34	3,81	4,00	4,50
Triệu USD	530	855	871	1019	1025	667	625	726	727	887	1200
USD / tấn	266,6	284,7	243,6	273,4	227,4	191,7	167,5	217,2	190,7	221,7	266,7

Phụ lục 1: Giống lúa chủ lực hiện nay và đặc điểm chính của giống

Giống	Nguồn gốc	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Đặc điểm
AS996	IR64 / Oryza rufipogon	90-105	Thích nghi vùng đất phèn, phẩm chất hạt chấp nhận được, độ trở hồ 3-5, amylose 24,5, hơi yếu rạ
IR50404	IR50404-57-2-2-3	90-95	Thích nghi rất rộng, năng suất cao, dễ canh tác, amylose cao 26-27%, bạc bụng, là nguyên liệu làm bánh trắng, bún, chống chịu tốt với khô hạn đầu vụ, phèn, mặn.
IR64	IR18348-36-3-3	105-115	Thích hợp vụ ĐX, năng suất cao và ổn định, phẩm chất ngon nhờ amylose trung bình và nhiệt độ hóa hồ trung bình, hạt dài 7mm, TL 1000 hạt: 24-25 g, không thích hợp vụ HT
MTL145	IR62065-27-1-2-1	95-105	Cao: 84-90cm, dễ nhánh tốt, TL 1000 hạt: 23-24g, chống chịu phèn, thích nghi rộng, amylose 24-26%, protein 7,8-8,7, nhiệt độ hóa hồ cấp 2
MTL250	IRRI	105-110	Cao 95-105cm, hạt thon dài, amylose 25,8%, protein 9,1%, dài hạt gạo 6,9mm, có mùi thơm nhẹ
OM1490	OM606 x IR44592-62-1-1-3	85-90	thấp cây, dễ nhánh khá, hạt dài 7,1mm, TL 1000 hạt: 25-27g, hạt gạo trong suốt, amylose 22,5%, protein 8,2%, thích nghi rất rộng, chống chịu trung bình với khô hạn, mặn. Hiện nhiễm đạo ôn
OM1723	OM554 x IR50401	95-100	Thích nghi vùng khó khăn, vụ HT có tỉ lệ hạt lép rất thấp, TL 1000 hạt 26g, amylose 24-26%, protein 8,2%, dạng hạt đẹp, ít bạc bụng
OM2395	IR63356 x TN1	90	dạng hình NPT, chống chịu phèn tốt, hơi

			bạc bụng, amylose 25%
OM2514	OM1314 x Nếp MT	85-90	Cao 90-100 cm, đẽ nhánh khá, TL1000 hạt 26,2g, amylose 24%, gạo ngon cơm, thơm, dài hạt gạo 7,1-7,5mm, thích nghi vùng An Giang, khả năng thụ phấn tốt trong vụ HT, rất có triển vọng trong vài năm tới ở Nam Bộ
OM2517	OM1325 x OMCS94	95	Cao 105cm, dạng hình thâm canh, TL 1000 hạt 25-26 g, dài hạt gạo 7,4mm, amylose từ trung bình đến cao, phát triển chủ lực tại An Giang
OM2717	OM1738 x TN128	95	Cao 110cm, TL 1000 hạt 25-26gr, amylose 25,3%, độ trở hồ cấp 3, thích nghi rộng, dạng hạt gạo đẹp, đạt tiêu chuẩn XK, thích nghi cả hai vụ ĐX và HT.
OM2718	OM1738 x MRCmutant	95	Cao 115cm, TL1000 25-26 g, amylose 25,3%, độ trở hồ cấp 3, tỷ lệ gạo nguyên cao > 50%, thích nghi cả hai vụ ĐX và HT
OM3536	TD8 x OM1738	85-90	hạt gạo dài 7,3mm, trong suốt, có mùi thơm nhẹ, khả năng đẽ nhánh trung bình, TL 1000 hạt: 26 g, rạ yếu, phẩm chất gạo rất ngon, amylose: 22%, protein 10,5%
OM4495	IR64/OM1706//IR64	85-90	chọn giống nhờ DNA marker, đẽ nhánh khá, lá đòng nhỏ, dài, gạo đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, thích nghi ở vùng Đông nam Bộ, điều kiện khó khăn, amylose 24%, protein 8%
OM4498	IR64/OMCS2000//IR64	95	Cao 110cm, chống chịu phèn tốt, chọn giống bằng DNA marker, TL 1000 hạt 26g, amylose 24,3%, độ trở hồ cấp 3, tỷ lệ gạo nguyên cao >50%, thích nghi cho vùng khó khăn
OM576 (Hầm Trâu)	Hungary x IR48	110-120	chống chịu mặn tốt, gạo cứng cơm, thích nghi vùng bán đảo Cà Mau, Đông Nam Bộ
OMCS2000	OM1723 x MRC19399	90-93	Cao 108cm, thích nghi rộng, phù hợp cho vụ HT, TL 1000 hạt 25-26g, dài hạt gạo 7,3mm, chất lượng gạo tốt
Tài nguyên ĐB (TN100)	Tài nguyên đột biến do Co ⁶⁰	95-100	Một trong những giống chủ lực của Vĩnh Long, chất lượng gạo tốt, dạng hạt thon dài, hơi cứng cơm, độ trở hồ cấp 2, amylose: 25,0-26,5
VĐ20	Đài Loan	105-110	Năng suất không cao, nhưng chất lượng gạo rất tốt cho thị trường nội địa, dạng hạt ngắn, amylose thấp 18-20%
VNĐ95-20	IR64 đột biến, Co ⁶⁰	90-103	Thích nghi vùng phèn Đồng Tháp Mười, dạng hình NPT, tán bông=2/3 tán cây, TL 1000 hạt 25-26g, hạt dài, gạo trong, đạt tiêu chuẩn XK